

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Linh Phượng

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Có mặt).

-Bị đơn: Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông C và bà Y quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An ngày 02/8/2013. Vợ chồng làm ăn, sinh sống tại ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và có với nhau một con chung tên Trần Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 26/02/2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cũng hạnh phúc, thời gian sau hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã bất đồng quan điểm, đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, bà Y đã cùng con về nhà cha mẹ ruột ở huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh sinh sống.

Nay ông C nhận thấy không còn tình cảm với bà Y nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y; Về con chung: Do đang sống ổn định với bà Y nên ông C đồng ý giao con cho bà Y nuôi dưỡng, chăm sóc, việc cấp dưỡng nuôi con ông C sẽ tự thỏa thuận với bà Y. Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Đỗ Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có thể hiện ý kiến tại bản tự khai như sau:

Bà Y thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của ông C. Xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay và hiện bà đang trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thị Huỳnh N. Trước yêu cầu của ông C thì bà Y đồng ý ly hôn, đồng ý tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

Bé Trần Thị Huỳnh N thể hiện ý kiến có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Phần thông tin Tòa án xác minh có nội dung tương tự như phần trình bày của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông C và bà Y xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông C và bà Y đều trình bày thống nhất về quá trình tiến đến hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng và cùng xác nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Tòa án đã tạo điều kiện để các đương sự hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cả hai đều cương quyết ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà Y đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C.

Về con chung: Ông C và bà Y có một con chung sinh năm 2014, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ, ông C cũng đồng ý nên đề nghị giao con chung cho bà Y nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn A xã M, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh nhưng các đương sự có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng là nơi cư trú của nguyên đơn để giải quyết việc ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Đỗ Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Y xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An vào ngày 02/8/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp, việc ông C xin ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Tuy bà Y vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có văn bản thể hiện ý kiến thống nhất như lời trình bà của ông C là vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn từ năm 2013 đến 2015 thì ly thân đến nay và mỗi người sống một nơi nên bà Y đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh của Tòa án cũng phù hợp với trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà Y đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C.

[3] Về con chung: Ông C và bà Y trình bày thống nhất việc giao con chung cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; nguyện vọng của con chung cũng muốn được sống với mẹ. Xét thấy việc giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn C.

Về hôn nhân: Ông Trần Văn C được ly hôn với bà Đỗ Thị Y.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 26/02/2014 cho bà Đỗ Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003976 ngày 11/5/2023 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh